



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.04006

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                               |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Rhodopseudomonas palustris                                                                                                  |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 2.000 gói quy cách bao gói 1kg và 40 bao quy cách bao gói 25kg/ 3.000 kg                                                    |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Hebei Shuntian Biotechnology Co.,Ltd, China                                                                                 |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                               |
| Hợp đồng số                       | : STRP250728 ngày 28/7/2025                                                                                                   |
| Hóa đơn số                        | : STRP250728 ngày 13/8/2025                                                                                                   |
| Vận đơn số                        | : HIT250800690                                                                                                                |
| Ngày sản xuất                     | : 09/8/2025                                                                                                                   |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 7356/HQ-GDK-TTKN ngày 16/9/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039837)                                                        |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU WMW</b><br>Địa chỉ: Số 36 Mạc Đĩnh Chi, Phường Tân Định,<br>Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)                            |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                                   |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                    |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 2820 /QĐ-TTKN  
Ngày 03 tháng 10 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 13569/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 397425091148  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 22/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 22/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                 | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Rhodopseudomonas<br>palustris<br>(mã hồ sơ:<br>BNNPTNT292500398<br>37) | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 25/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.